TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

1 Căn cứ.

- Điểm m Khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và điểm e Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 quy định về việc Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Khoản l Điều 32 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu quy định về việc Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG).

2 Vấn đề.

Tuân thủ quy định về việc Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm của tổ chức tín dụng theo các quy định hiện hành liên quan.

3 Kiến nghị.

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2025 của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam đã được kiểm toán bởi KPMG, và đã được Ban kiểm soát ACB thẩm định và báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025 riêng lẻ	Năm 2025 hợp nhất
1	Tổng tài sản	1.000.449.810	1.025.850.127
2	Vốn chủ sở hữu	91.005.607	94.519.719
	Trong đó, vốn điều lệ	*51.366.566*	*51.366.566*
3	Lợi nhuận trước thuế	18.151.048	19.538.776
4	Lợi nhuận sau thuế	14.519.368	15.624.699

(Bản tóm tắt BCTC đính kèm tờ trình.)

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 86.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00543-26-1

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**4**	**8.624.548**	**5.696.444**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**5**	**16.574.505**	**25.219.461**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**6**	**139.216.637**	**108.003.288**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		137.921.722	106.836.456
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.294.915	1.216.832
3	Dự phòng rủi ro	6.3	-	(50.000)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**7**	**598.006**	**841.743**
1	Chứng khoán kinh doanh	7.1	598.006	841.743
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**8**	**324.298**	**55.992**
VI	**Cho vay khách hàng**		**660.465.765**	**563.147.530**
1	Cho vay khách hàng	9	667.921.428	569.734.624
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(7.455.663)	(6.587.094)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**10**	**144.164.116**	**121.090.243**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		132.778.839	108.918.477
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		11.396.527	12.171.766
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(11.250)	-
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**11**	**12.079.699**	**7.578.535**
1	Đầu tư vào công ty con	11.2	12.005.000	7.505.000
4	Đầu tư dài hạn khác	11.3	233.739	241.467
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.4	(159.040)	(167.932)
X	**Tài sản cố định**		**5.352.506**	**5.326.341**
1	Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.140.323	3.162.095
a	Nguyên giá tài sản cố định		6.615.697	6.331.878
b	Hao mòn tài sản cố định		(3.475.374)	(3.169.783)
3	Tài sản cố định vô hình	12.2	2.212.183	2.164.246
a	Nguyên giá tài sản cố định		3.029.721	2.870.302
b	Hao mòn tài sản cố định		(817.538)	(706.056)
XII	**Tài sản Có khác**		**13.049.730**	**9.471.828**
1	Các khoản phải thu	13.1	5.455.639	3.547.914
2	Các khoản lãi, phí phải thu		6.441.731	4.783.969
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.2	17.185	17.190
4	Tài sản Có khác	13.3	1.312.823	1.295.406
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.4	(177.648)	(172.651)
	TỔNG TÀI SẢN		**1.000.449.810**	**846.431.405**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước**	14	**32.976.139**	**7.954.853**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		31.170.978	7.954.853
2	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		1.805.161	-
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	15	**131.528.577**	**94.993.212**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		121.339.559	91.621.806
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		10.189.018	3.371.406
III	**Tiền gửi của khách hàng**	16	**587.874.763**	**539.139.747**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	17	**19.079**	**28.008**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	18	**133.122.924**	**101.648.155**
VII	**Các khoản nợ khác**		**23.922.721**	**21.614.533**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.950.344	7.023.331
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	14.972.377	14.591.202
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**909.444.203**	**765.378.508**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	20	**91.005.607**	**81.052.897**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		51.638.345	44.938.358
a	Vốn điều lệ		51.366.566	44.666.579
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		17.095.256	14.336.576
5	Lợi nhuận chưa phân phối		22.272.006	21.777.963
a	*Lợi nhuận năm nay*		*11.760.688*	*12.868.159*
b	*Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước*		*10.511.318*	*8.909.804*
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**91.005.607**	**81.052.897**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.000.449.810**	**846.431.405**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	37.1	83.036	54.784
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37.1	165.444.063	195.824.188
	Cam kết mua ngoại tệ		*3.176.017*	*1.671.699*
	Cam kết bán ngoại tệ		*2.189.273*	*1.865.951*
	Cam kết giao dịch hoán đổi		*160.078.773*	*192.286.538*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37.1	6.666.479	3.311.773
5	Bảo lãnh khác	37.1	19.772.573	14.262.824
6	Các cam kết khác	37.1	25.031.882	28.349.409
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38	1.597.531	1.729.633
8	Nợ khó đòi đã xử lý	39	8.503.061	6.687.997
9	Tài sản và chứng từ khác	40	1.960.094	638.473

M.S.D.N: 0301452948 - C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	56.708.635	49.688.521
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(30.950.747)	(22.746.651)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**25.757.888**	**26.941.870**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	4.579.310	5.075.921
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(1.899.602)	(2.099.078)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**2.679.708**	**2.976.843**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**25**	**1.731.300**	**1.169.955**
IV	**Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**26**	**(3.426)**	**(11.863)**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**27**	**396.762**	**450.312**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.732.136	1.165.261
6	Chi phí hoạt động khác		(557.857)	(459.987)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**28**	**1.174.279**	**705.274**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**29**	**57.868**	**14.492**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**30**	**(10.344.870)**	**(10.528.840)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**21.449.509**	**21.718.043**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**31**	**(3.298.461)**	**(1.599.079)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**18.151.048**	**20.118.964**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.1	(3.631.675)	(4.017.420)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.2	(5)	(16.345)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**32**	**(3.631.680)**	**(4.033.765)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**14.519.368**	**16.085.199**

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		55.050.873	49.108.489
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(29.017.609)	(23.366.957)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.113.041	2.410.176
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.142.936	1.608.404
05	Thu nhập/(chi phí) khác		82.648	(74.034)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.080.149	732.524
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý		(10.073.274)	(10.366.159)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm		(4.175.131)	(3.941.421)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		**17.203.633**	**16.111.022**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(1.127.843)	(112.503)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(23.841.386)	(41.824.763)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(268.306)	(55.992)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(98.186.804)	(88.458.485)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản		(2.480.586)	(224.804)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(1.889.050)	1.110.439
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		25.021.286	7.954.765
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		36.535.365	10.677.482
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		48.735.016	55.490.494
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		31.468.644	49.233.145
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(8.929)	(13.526)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(117.126)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động		1.791.961	825.822
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(129.874)	(1.249)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**32.823.127**	**10.594.721**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định		(671.273)	(890.087)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		72.195	147.843
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(4.500.000)	(3.000.000)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		678	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		60.585	12.387
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**(5.037.815)**	**(3.729.857)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(4.466.658)	(3.884.051)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(4.466.658)**	**(3.884.051)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**23.318.654**	**2.980.813**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**		**138.752.361**	**135.771.548**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	**33**	**162.071.015**	**138.752.361**

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 86 là một phần hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 97.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00543-26-2

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	**4**	**8.624.548**	**5.696.449**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	**5**	**16.574.958**	**25.219.753**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**6**	**149.990.681**	**117.882.259**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		149.990.681	117.781.280
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	150.979
3	Dự phòng rủi ro	6.3	-	(50.000)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	**7**	**6.544.882**	**3.881.151**
1	Chứng khoán kinh doanh	7.1	6.708.358	4.029.088
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	7.4	(163.476)	(147.937)
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**8**	**324.298**	**55.992**
VI	**Cho vay khách hàng**		**679.152.623**	**573.946.692**
1	Cho vay khách hàng	9	686.777.352	580.686.248
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.7	(7.624.729)	(6.739.556)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**10**	**144.164.116**	**121.090.243**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		132.778.839	108.918.477
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		11.396.527	12.171.766
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(11.250)	-
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**11**	**74.699**	**124.935**
4	Đầu tư dài hạn khác	11.2	233.739	292.867
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.3	(159.040)	(167.932)
X	**Tài sản cố định**	**12**	**5.438.550**	**5.412.370**
1	Tài sản cố định hữu hình	12.1	3.200.487	3.222.198
a	Nguyên giá tài sản cố định		6.806.108	6.504.276
b	Hao mòn tài sản cố định		(3.605.621)	(3.282.078)
3	Tài sản cố định vô hình	12.2	2.238.063	2.190.172
a	Nguyên giá tài sản cố định		3.117.527	2.950.265
b	Hao mòn tài sản cố định		(879.464)	(760.093)
XI	**Bất động sản đầu tư**	**13**	**149.673**	**177.005**
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		149.692	177.005
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(19)	-
XII	**Tài sản Có khác**		**14.811.099**	**10.518.854**
1	Các khoản phải thu	14.1	6.743.073	4.299.649
2	Các khoản lãi, phí phải thu		6.819.629	4.954.367
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14.2	17.263	17.318
4	Tài sản Có khác	14.3	1.414.349	1.425.899
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(183.215)	(178.379)
	TỔNG TÀI SẢN		**1.025.850.127**	**864.005.703**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước**	15	**32.976.139**	**7.954.853**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước		31.170.978	7.954.853
2	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		1.805.161	-
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	16	**154.999.539**	**111.591.668**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		121.314.141	91.573.962
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		33.685.398	20.017.706
III	**Tiền gửi của khách hàng**	17	**585.180.175**	**537.304.578**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	18	**19.079**	**28.008**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	19	**133.294.422**	**101.650.446**
VII	**Các khoản nợ khác**		**24.861.054**	**22.014.472**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		8.969.078	7.045.361
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	15.891.976	14.969.111
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**931.330.408**	**780.544.025**
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	21	**94.519.719**	**83.461.678**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		51.638.345	44.938.358
a	Vốn điều lệ		51.366.566	44.666.579
c	Thặng dư vốn cổ phần		271.779	271.779
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		17.583.061	14.789.568
5	Lợi nhuận chưa phân phối		25.298.313	23.733.752
a	*Lợi nhuận năm nay*		*12.831.206*	*13.557.635*
b	*Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước*		*12.467.107*	*10.176.117*
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**94.519.719**	**83.461.678**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**1.025.850.127**	**864.005.703**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2024 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	39.1	83.036	54.784
2	Cam kết giao dịch hối đoái	39.1	165.444.063	195.824.188
	Cam kết mua ngoại tệ		*3.176.017*	*1.671.699*
	Cam kết bán ngoại tệ		*2.189.273*	*1.865.951*
	Cam kết giao dịch hoán đổi		*160.078.773*	*192.286.538*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.1	6.666.479	3.311.773
5	Bảo lãnh khác	39.1	19.772.573	14.262.824
6	Các cam kết khác	39.1	25.031.882	28.349.409
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	1.603.488	1.733.456
8	Nợ khó đòi đã xử lý	41	8.618.443	6.783.880
9	Tài sản và chứng từ khác	42	2.207.595	885.974

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	58.755.829	50.902.749
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(31.850.134)	(23.108.047)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**26.905.695**	**27.794.702**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	5.196.123	5.464.958
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(2.049.383)	(2.226.173)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**3.146.740**	**3.238.785**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**26**	**1.731.886**	**1.170.752**
IV	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**27**	**474.316**	**200.357**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**28**	**396.784**	**450.312**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		2.228.694	1.266.132
6	Chi phí hoạt động khác		(1.205.407)	(642.495)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**29**	**1.023.287**	**623.637**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**30**	**119.175**	**36.214**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**31**	**(10.924.359)**	**(10.902.603)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**22.873.524**	**22.612.156**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**32**	**(3.334.748)**	**(1.606.285)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**19.538.776**	**21.005.871**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	(3.914.022)	(4.199.699)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	(55)	(16.404)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**33**	**(3.914.077)**	**(4.216.103)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**15.624.699**	**16.789.768**
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**34**	**3.022**	**3.191**

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		56.890.567	50.231.051
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(29.920.751)	(23.737.584)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		2.580.073	2.672.118
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		2.636.825	1.822.938
05	Chi phí khác		(222.834)	(164.089)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.084.336	740.938
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý		(10.615.757)	(10.747.138)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm		(4.335.459)	(4.108.348)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		**18.097.000**	**16.709.886**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(1.952.539)	(5.521.656)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(26.764.393)	(43.561.371)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(268.306)	(55.992)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(106.091.104)	(93.084.396)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản		(2.500.269)	(232.880)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(2.365.518)	271.010
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		25.021.286	7.954.765
16	Tăng các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		43.407.871	22.085.006
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		47.875.597	54.601.847
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		31.638.310	49.233.145
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(8.929)	(13.526)
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(117.126)
21	Tăng khác về công nợ hoạt động		2.200.942	102.768
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(129.874)	(1.249)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**28.160.074**	**8.370.231**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định		(701.864)	(919.740)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		72.205	147.865
04	Mua sắm bất động sản đầu tư		(110.808)	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		265.000	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		52.078	3.507
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		119.157	35.058
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**(304.232)**	**(733.310)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(4.466.658)	(3.884.051)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(4.466.658)**	**(3.884.051)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**23.389.184**	**3.752.870**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**		**139.824.608**	**136.071.738**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	**35**	**163.213.792**	**139.824.608**

Đoàn Thị Thùy Dung	Dương Thị Nguyệt	Từ Tiến Phát
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 97 là một phần hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này.